

## THÔNG BÁO

### Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022 - 2023

Ngành: Quản lý văn hóa

STT	Nội dung	Trình độ Tiến sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Đối tượng tuyển sinh: theo quy chế tuyển sinh và đào tạo hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.</p> <p>Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>Văn bằng<ol style="list-style-type: none"><li>Có bằng thạc sĩ ngành Quản lý văn hóa, Văn hóa quần chúng.</li><li>Có bằng thạc sĩ ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi, căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, NCS phải học tối thiểu 12 tín chỉ sau khi trúng tuyển để có được kiến thức cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.</li><li>Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành Quản lý văn hóa</li></ol></li><li>Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.</li><li>Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:<ol style="list-style-type: none"><li>Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;</li><li>Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;</li><li>Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức</li></ol></li></ol>

		<p>khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận, cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;</p> <p>d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a mục này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b mục này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c mục này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).</p> <p>4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bạc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.</p> <p>5. Người dự tuyển phải có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm làm việc trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>- Về kiến thức:</b></p> <p>+ Đào tạo nghiên cứu sinh trình độ tiến sỹ ngành Quản lý văn hóa nắm vững các kiến thức cốt lõi, nền tảng về văn hóa và các lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về Quản lý văn hóa;</p> <p>+ Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về Quản lý văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước;</p> <p>+ Có trình độ lý luận và nắm vững các vấn đề thực tiễn trong hoạt động về quản lý văn hóa để có thể định hướng, tổ chức, quản lý trong bối cảnh hiện nay;</p> <p><b>- Kỹ năng:</b></p> <p>+ Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, có phương pháp khoa học hợp lý, thiết kế được các bộ công cụ nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý văn hóa</p> <p>+ Có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học về văn hóa và đưa ra định hướng xử lý một cách sáng tạo, phù hợp.</p> <p>+ Có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức khoa học về văn hóa, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành, phổ biến các kết quả nghiên cứu trong hoạt động</p>

	<p>Quản lý văn hóa.</p> <p>+ Có năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.</p> <p>+ Tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa - nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước</p> <p><b>- Thái độ:</b></p> <p>+ Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, trách nhiệm cao trong việc học tập, đúc rút kinh nghiệm để phát triển các tri thức mới về Quản lý văn hóa;</p> <p>+ Có khát vọng cống hiến và biết kết hợp hài hòa giữa quyền lợi và tiến bộ bản thân với ích lợi của cộng đồng và dân tộc; Tôn trọng và học hỏi nhân dân trong các hoạt động thực tiễn về Quản lý văn hóa.</p> <p><b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>k) Có khả năng tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo ra các quan điểm, tri thức mới trong quản lý điều hành các hoạt động văn hóa;</p> <p>l) Trong từng hoàn cảnh cụ thể phức tạp và khác nhau, người học có thể đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới, phù hợp;</p> <p>m) Có khả năng thích ứng trong bối cảnh biến đổi văn hóa và hội nhập quốc tế, tự định hướng và dẫn dắt những người khác;</p> <p>n) Tư duy độc lập, mạnh dạn đưa ra những phán quyết, kết luận, khuyến nghị khoa học có giá trị, phù hợp. Tôn trọng tính khách quan, khoa học trong phát hiện, lý giải các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp;</p> <p>o) Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn, Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;</p> <p>p) Phát triển tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, đam mê nghiên cứu khoa học cũng như học tập suốt đời để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới;</p> <p>q) Luôn ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về văn hóa các dân tộc, vùng miền.</p>
--	---

III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được tạo điều kiện về chỗ ở để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt.</li> <li>- Được sử dụng phòng đọc tài liệu, sử dụng nguồn tài liệu phong phú để phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập.</li> <li>- Được tham gia các hoạt động học tập có sự kết hợp nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.</li> </ul>
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<p><b>1. Về thời gian tập trung học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;</li> <li>- Thời gian học tập của nghiên cứu sinh là 3 năm, trong đó, nghiên cứu sinh phải tập trung học tập trong thời gian 12 tháng của 2 năm đầu kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng khi cơ sở đào tạo yêu cầu.</li> </ul> <p><b>2. Số học phần người học phải hoàn thành</b></p> <p>Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học. Trong đó, nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ đúng ngành phải hoàn thành 05 học phần, thời lượng 10 tín chỉ (bao gồm cả học phần bắt buộc và tự chọn); 01 bài tiểu luận tổng quan (2 tín chỉ) và 02 chuyên đề tiến sĩ (04 tín chỉ) và luận án tương đương 74 tín chỉ.</p> <p>NCS có bằng đại học phải hoàn thành 16 học phần, thời lượng 32 tín chỉ trước khi học các học phần chính thức dành cho nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ đúng ngành nêu trên;</p> <p>NCS ngành gần sau khi trúng tuyển, phải học bổ túc kiến thức 6 học phần, thời lượng 12 tín chỉ trước khi học các học</p>

phần chính thức dành cho NCS đúng ngành.

### **3. Các học phần bổ sung**

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh. NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung dưới hình thức thi theo Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành.

Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý văn hóa, trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo thạc sĩ hiện tại của chuyên ngành Quản lý văn hóa, phải học bổ sung trong năm đầu các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

Danh sách các học phần NCS phải bổ túc kiến thức

<b>TT</b>	<b>Mã số môn học</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Khối lượng tín chỉ</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1	TQL3	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	2	30	
2	TQL5	Lịch sử Văn hóa Việt Nam	2	30	
3	TQL15	Quản lý văn hóa ở Việt Nam	2	30	
4	TQL16	Quản lý hoạt động nghệ thuật	2	30	
5	TQL18	Quản lý hoạt động quảng cáo	2	30	
6	TQL28	Kỹ năng viết trong nghiên cứu văn hóa	2	30	

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung; các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan; nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận án tiến sĩ đã được sự đồng ý của người hướng dẫn khoa học; có trình độ ngoại ngữ theo đúng quy định; nộp đủ học phí; bổ sung bài báo liên quan đến đề tài luận án đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong, ngoài nước; nộp Lý lịch khoa học, nghiên cứu sinh mới đủ điều kiện để bảo vệ luận án ở các bước.

#### 4. Các học phần dành cho NCS chưa có bằng thạc sỹ

NCS chưa có bằng thạc sỹ, phải học đủ 32 tín chỉ tương ứng với 16 học phần ở trình độ thạc sỹ. Phải hoàn thành các học phần này với điểm số tối thiểu 5.5 điểm mỗi học phần mới được tham dự học các học phần tiến sỹ.

TT	Mã số môn học	Tên môn học	Khối lượng tín chỉ	Số tiết	Ghi chú
1	TQL2	Các lý thuyết nghiên cứu văn hóa	2	30	
2	TQL3	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	2	30	
3	TQL4	Thiết kế dự án nghiên cứu văn hóa	2	30	
4	TQL5	Lịch sử Văn hóa Việt Nam	2	30	
5	TQL06	Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Nam Bộ	2	30	
6	TQL07	Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ	2	30	
7	TQL08	Bản sắc Văn hóa Việt Nam	2	30	
8	TQL09	Làng xã Việt Nam	2	30	
9	TQL13	Tâm lý học quản lý	2	30	
10	TQL15	Quản lý văn hóa ở Việt Nam	2	30	
11	TQL16	Quản lý hoạt động nghệ thuật	2	30	
12	TQL17	Quản lý hoạt động truyền thông	2	30	
13	TQL18	Quản lý hoạt động quảng cáo	2	30	

		14	TQL19	Quản lý sự kiện văn hóa - nghệ thuật	2	30	
		15	TQL20	Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật	2	30	
		16	TQL28	Kỹ năng viết trong nghiên cứu văn hóa	2	30	
<p style="text-align: center;"><b>6. Chương trình đào tạo</b></p> <p><b>6.1. Khái quát chương trình:</b> nêu rõ số học phần và số tín chỉ ít nhất học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng 2 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu 5 học phần với khối lượng 10 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ (không kể tiểu luận tổng quan và tiểu luận chuyên đề).</li> <li>- Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành văn hóa nghệ thuật và chuyên ngành Quản lý văn hóa. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học. Nghiên cứu sinh phải học và hoàn thành các học phần ở trình độ tiến sĩ trong thời gian hai năm đầu của khóa học.</li> </ul> <p>Trên cơ sở những kiến thức đã đào tạo trong chương trình đại học, cao học, cùng với quá trình nghiên cứu chương trình đào tạo tiến sĩ của một số quốc gia trên thế giới như: Nga, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc, Chương trình đào tạo tiến sĩ của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội...</p> <p>Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng các học phần bắt buộc, tự chọn cho chương trình đào tạo tiến sĩ theo chương trình đào tạo mã ngành Quản lý văn hóa dựa trên sự tham khảo các chương trình trên thế giới và trong nước, đặc</p>							

<p>biệt là chương trình của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội và có phần đặc thù riêng của cơ sở đào tạo vốn chuyên sâu về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật ở khu vực phía Nam.</p> <p><b>Khối lượng kiến thức toàn khóa với các đối tượng học</b></p>							
TT	Đối tượng học	Học phần bắt buộc (Tín chỉ)	Học phần tự chọn (Tín chỉ)	Học phần bổ sung (Tín chỉ)	Chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận (Tín chỉ)	Nghiên cứu khoa học và luận án (Tín chỉ)	Tổng cộng (Tín chỉ)
1	NCS có bằng thạc sỹ đúng ngành	8	2	0	6	74	90
2	NCS có bằng thạc sỹ ngành gần	8	2	12	6	74	102
3	NCS có bằng cử nhân loại giỏi	8	2	32	6	74	122
<p><b>• Học phần bắt buộc (8 tín chỉ):</b></p> <p>Nghiên cứu sinh tham gia học 04 học phần bắt buộc (khối lượng 8 tín chỉ), bao gồm lý thuyết, thực hành, thực tế, thảo luận và tham dự Seminar dưới sự hướng dẫn và đánh giá của các giảng viên.</p> <p><b>• Học phần tự chọn (2 tín chỉ):</b></p> <p>Nghiên cứu sinh tự chọn 01 học phần trong danh sách học phần lựa chọn của cơ sở đào tạo, có nội dung chuyên sâu, phù hợp với đề tài luận án, hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học để nghiên cứu, sau đó viết tiểu luận tham dự Seminar dưới sự hướng dẫn của các giảng viên và có đánh giá bằng điểm số.</p> <p><b>• Chuyên đề tiến sĩ</b></p> <p>Đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực</p>							

nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 4 tín chỉ, được xây dựng theo trình tự sau: mục đích của chuyên đề, các nội dung cần đạt được khi viết chuyên đề này, cuối cùng là tài liệu tham khảo. Nghiên cứu sinh phải viết báo cáo chuyên đề và tham dự Seminar dưới sự đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn (3 thành viên) và có đánh giá bằng điểm số.

- Chuyên đề 1. Áp dụng phân lý thuyết vào một trường hợp nghiên cứu cụ thể (2 tín chỉ).

- Chuyên đề 2. Trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận tính mới của luận án (2 tín chỉ).

### • *Tiểu luận tổng quan*

Bài tiểu luận tổng quan có thời lượng tương đương 2 tín chỉ. Tiểu luận phải điểm luận được tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Nghiên cứu sinh phải có khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Nghiên cứu sinh viết tiểu luận và trình bày tiểu luận trong sinh hoạt chuyên môn tại cơ sở đào tạo. Tiểu luận được đánh giá theo mức độ đạt hoặc không đạt.

Tiểu luận tổng quan có độ dài từ 30 đến 50 trang A4, font chữ VnTime hoặc Times New Roman cỡ chữ 13 hoặc 14, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5 cm, lề dưới 3 cm, lề trái 3,5 cm, lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy.

### • *Nghiên cứu khoa học*

a. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Sau khi hoàn thành luận án, một trong những yêu cầu quan trọng nhất của nghiên cứu sinh là vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải quyết những vấn đề của thực tiễn và thực hiện công việc nghiên cứu của mình một cách độc lập.

Vì vậy, yêu cầu đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, khảo sát để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học, hoặc thiết kế giải pháp để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Do đó, vấn đề nghiên cứu phải là một vấn đề khoa học mới, chưa từng công bố trên các báo, tạp chí

hoặc trong các hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học trong và ngoài nước. Nghiên cứu khoa học là cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ.

b. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

c. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc cơ sở đào tạo hỗ trợ nếu có điều kiện.

#### • *Luận án tiến sĩ*

a. Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn về văn hóa, kinh tế - xã hội.

Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật và Văn hóa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

b. Luận án tiến sĩ ngành Quản lý văn hóa có khối lượng tối thiểu 150 trang A4, tối đa 200 trang A4, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận riêng của nghiên cứu sinh. Tương đương với thời lượng 74 tín chỉ

<b>6.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:</b> liệt kê toàn bộ các học phần thuộc nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo các đề mục: mã số học phần, tên học phần, khối lượng tính bằng tín chỉ (lý thuyết; thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận).					
<b>Mã số học phần</b>		<b>Tên học phần</b>	<b>Khối lượng (tín chỉ/số tiết)</b>		
<b>Phần chữ</b>	<b>Phần số</b>		<b>Tổng số</b>	<b>LT</b>	<b>TH, TN, TL</b>
<b><i>Các học phần bắt buộc (14 tín chỉ)</i></b> <b><i>Kể cả tiểu luận tổng quan và các chuyên đề</i></b>					
TsQL	1	Lịch sử ngành Quản lý văn hóa và các lý thuyết nghiên cứu Quản lý văn hóa	2 (30 tiết)	21	18
TsQL	2	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu quản lý văn hóa	2 (30 tiết)	15	30
TsQL	3	Vùng văn hoá Miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ những vấn đề lý luận và thực tiễn	2 (30 tiết)	24	12
TsQL	4	Chính sách, pháp luật và chiến lược Quản lý văn hóa ở Việt Nam	2 (30 tiết)	15	30
TsQL	5	Tiểu luận tổng quan	2 (30 tiết)	10	40
TsQL	6	Tiểu luận chuyên đề 1 Nội dung: áp dụng lý thuyết vào đề tài nghiên cứu	2 (30 tiết)	10	40
TsQL	7	Tiểu luận chuyên đề 2 Nội dung: trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận tính mới của luận án	2 (30 tiết)	10	40

		<i>Các học phần lựa chọn (2 tín chỉ)</i>			<b>Học viên chọn 1 học phần (02 tín chỉ) trong số các học phần sau</b>		
TsQL	8	Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	18	24		
TsQL	9	Quản lý di sản văn hóa ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
TsQL	10	Quản lý thiết chế văn hóa ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
TsQL	11	Quản lý lễ hội truyền thống ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
TsQL	12	Quản trị nguồn nhân lực quản lý văn hoá ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
TsQL	13	Quản lý hoạt động truyền thông ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
TsQL	14	Quản lý hoạt động nghệ thuật ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
TsQL	16	Quản lý của cộng đồng trong bảo tồn di sản văn hoá ở các tỉnh phía Nam hiện nay	2 (30 tiết)	15	30		
<b>Luận án</b>			<b>74</b>				
<b>Tổng cộng:</b>			<b>90</b>				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, đưa ra những khuyến cáo khoa học trở thành chuyên gia và nhà nghiên cứu độc lập.					
VI	Vị trí làm	+ Chuyên gia nghiên cứu làm việc trong hệ thống ngành văn					

sau khi tốt nghiệp	<p>hóa, nghệ thuật, truyền thông, quảng cáo, du lịch với các cương vị khác nhau;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng viên giảng dạy ở các trường đại học, các viện nghiên cứu sau khi học thêm chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm;</li> <li>+ Tư vấn, phân tích, phản biện chính sách về lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, truyền thông, du lịch;</li> <li>+ Quản lý, lãnh đạo tại các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật, truyền thông, du lịch;</li> <li>+ Các vị trí khác trong tổ chức, quản lý tại các công ty tư nhân trong nước và quốc tế về lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, truyền thông, quảng cáo, du lịch.</li> </ul>
--------------------	--

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thế Dũng**